**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | **Tổng%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TL** | **TL** | **TL** | **TL** |
| **1** | Phân số  Hỗn số Số thập phân. | Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân. | Bài 1a  (1đ) | Bài 1b  (0,75đ) | Bài 1c  (0,5đ) |  | 2,25 |
| Bài 2a  (1đ) | Bài 2b  (0,75đ) | Bài 2c  (0,5đ) |  | 2,25 |
| Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm. |  | Bài 3a  (1,5đ) | Bài 3b  (1đ) | Bài 5  (1đ) | 3,5 |
| **2** | Tính đối xứng của  hình phẳng trong  thế giới tự nhiên | Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng. | Bài 4  (1đ) |  |  |  | 1 |
| **3** | Các hình hình học  cơ bản | Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc | Bài 6  (1đ) |  |  |  | 1 |
| **Tổng điểm** | | | **4** | **3** | **2** | **1** | 10 |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | **30%** | | **100%** |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biêt** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Phân số**  **Hỗn số Số thập phân.** | Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân. | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được số đối của một phân số.  ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai số thập phân cho trước.  ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). | Bài 1a  (1đ) | Bài 1b  (0,75đ) | Bài 1c  (0,5đ) |  |
| Bài 2a  (1đ) | Bài 2b  (0,75đ) | Bài 2c  (0,5đ) |  |
| Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm. | ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai phân số cho trước.  ***Vận dụng:***  – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.  – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.  – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.  – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).  ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. |  | Bài 3a  (1,5đ) | Bài 3b  (1đ) | Bài 5  (1đ) |
| **2** | **Tính đối xứng của  hình phẳng trong  thế giới tự nhiên** | Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng. | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng.  – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). | Bài 4  (1đ) |  |  |  |
| **3** | **Các hình hình học  cơ bản** | Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc | ***Nhận biết:***  –Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.  – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).  – Nhận biết được khái niệm số đo góc. | Bài 6  (1đ) |  |  |  |
| **Tổng số câu** | | | | **4** | **3** | **2** | **1** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **70%** | | **30%** | |

**ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KỲ II TOÁN 6 NH: 2023 – 2024**

**TRƯỜNG THCS HÒA PHÚ**

**Bài 1:** ( 2,25 điểm) Thực hiện các phép tính:

a./ b./ c/

**Bài 2**: ( 2,25điểm)

a/ Tìm số đối của các số sau: 

b/ So sánh: i/ -13,347 và -13,3392 ii/

c/ Tìm x, biết: 

**Bài 3:** (2,5 điểm)

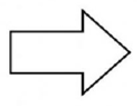
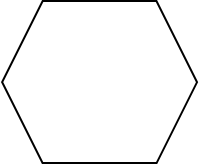
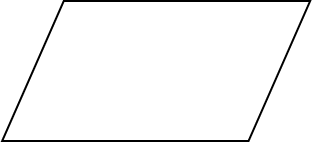
a/ Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 60m, chiều rộng bằng chiều dài.

1. Tính diện tích mảnh đất
2. Trên mảnh đất đó người ta trồng hai loại cây ăn quả là táo và xoài. Biết diện tích trồng xoài chiếm diện tích mảnh đất. Hãy tính diện tích trồng cây mỗi loại

b/ Tính tỉ số diện tích trồng cây táo và trồng cây xoài ở trên, cho biết diện tích trồng xoài chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích mảnh đất

**Bài 4:**(1điểm)

a/ Trong các hình dưới đây. Hình nào có tâm đối xứng, hình nào có trục đối xứng?

Hình 1 Hình 2 Hình 3

Hình 4 Hình 5 Hình 6

**Bài 5:** (1,0 điểm) Bác Năm đi siêu thị mua một cái Tivi có giá là 16 triệu đồng nhưng được khuyến mãi giảm giá 15%. Hỏi Bác Năm trả bao nhiêu tiền khi mua cái Tivi đó ?

**Bài 6:**(2,0 điểm)

Trên tia Ox vẽ hai điểm A, B sao cho OA = 3cm, OB = 6cm.

a/ Tính độ dài đoạn thẳng AB

b/ Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OA không? Vì sao?

**Hết**

**Đáp án**

**Bài 1:** ( 2,25 điểm) Thực hiện các phép tính:







**Bài 2:** ( 2,255 điểm)

a/ Số đối của số là số  (0,25)

Số đối của số là số  (0,25)

Số đối của số là số  (0,25)

Số đối của số là số  (0,25)

b/ So sánh:

i/ Ta có: -13,347 < -13,3392 (0,25)

ii/

Qui đồng: (0,25)

Vì (0,25)





**Bài 3:** (2,5 điểm)

a/

i) Chiều rộng mảnh đất là

60. (0,5)

Diện tích mảnh đất là

60.40 = 2400(m2) (0,25)

ii) Diện tích trồng xoài là

2400. = 1500 (m2) (0,5)

Diện tích trồng táo là

2400 – 1500 = 900 (0,25)

b/ Tỉ số diện tích trồng táo và trồng xoài là

(0,5)

Tỉ số phần trăm diện tích trồng xoài là

(0,5)

**Bài 4:** (1,0 điểm)

Hình có tâm đối xứng là: hình 2, hình 3, hình 6 ( 0,5)

Hình có trục đối xứng là: hình 1, hình 2, hình 5 (0,5)

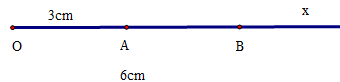
**Bài 5:** (1,0 điểm)

Giải

Số tiền Bác Năm trả là

16.(100% - 15% ) = 13,6 ( triệu đồng)

**Bài 6:** (1,0 điểm)



a/ Tính độ dài đoạn thẳng AB

Ta có: OA + AB = OB

AB = OB – OA

AB = 6 – 3

AB = 3cm (0,5)

b/ Điểm A là trung điểm của đoạn thẳng OB. Vì OA = AB =3cm (0,5)

Website VnTeach.Com